

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12-6-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con  
chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thảo Nguyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Trinh.

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Sơn Thị Thu T**, sinh năm 1991. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông **Thạch S**, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Con chung của bà Sơn Thị Thu T và ông Thạch S: Cháu **Thạch Chí T**, sinh ngày 10/10/2009.

Địa chỉ: Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và lời khai của bà Sơn Thị Thu T là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Thạch S qua quá trình tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân với nhau. Vào năm 2012, bà T và ông Thạch S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 9, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống bà và ông S có 01 người con chung tên Thạch Chí T, sinh ngày 10/10/2009. Vợ chồng sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc như lúc ban đầu, vợ chồng bà đã ly thân không còn sống chung với nhau được 07

năm nay. Hiện tại bà khẳng định không còn tình cảm với ông Thạch S và trong thời gian ly thân giữa bà và ông Thạch S không có liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Thạch S.

- Về con chung: Bà T và ông Thạch S có một người con chung tên Thạch Chí T, sinh ngày 10/10/2009. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông Thạch S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Thạch S vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của cháu Thạch Chí T: Nguyên vọng của cháu sau khi ba mẹ ly hôn thì cháu muốn được sống chung với mẹ Sơn Thị Thu T.

*Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn ông Thạch S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do.

2. Về nội dung vụ án: Bà Sơn Thị Thu T và ông Thạch S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 9, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông Thạch S là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên dẫn đến bà T yêu cầu ly hôn với ông S. Ông Thạch S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt. Từ đó cho thấy ông Thạch S không muốn đoàn tụ cùng bà T. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Sơn Thị Thu T phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Sơn Thị Thu T yêu cầu được ly hôn với ông Thạch S, và yêu cầu giải quyết phần nuôi con trong cùng vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi

con chung”. Vụ án có bị đơn ông Thạch S cư trú tại Khóm A, Phường I, thành phố T, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Thạch S, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không có lý do. Đối với nguyên đơn bà Sơn Thị Thu T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 04/5/2020. Nên Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Sơn Thị Thu T và ông Thạch S là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị Thu T và ông Thạch S qua quá trình tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân với nhau, bà T và ông Thạch S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 9, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/8/2012, nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Thạch S là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bà T và ông Thạch S đã ly thân không còn sống chung với nhau được 07 năm. Trong thời gian ly thân giữa bà và ông Thạch S không có liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Thạch S biết được việc bà T yêu cầu ly hôn với ông thông qua việc Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Thạch S vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Từ đó, cho thấy ông Thạch S không có ý chí muốn đoàn tụ cùng với bà T. Điều này minh chứng cho tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Thạch S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Sơn Thị Thu T yêu cầu ly hôn với ông Thạch S là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thạch Chí T, sinh ngày 10/10/2009. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét đến quyền lợi, nguyện vọng của con chung. Xét thấy, cháu Thạch Chí T đều do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu T có nguyện vọng được sống chung với bà T. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Thạch Chí T.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T đã được giải thích các quy định của pháp luật về người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án bà T không yêu cầu ông Thạch S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Bà Sơn Thị Thu T khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Bà Sơn Thị Thu T khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[3] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Sơn Thị Thu T phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị Thu T

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị Thu T được ly hôn với ông Thạch S.

2. Về con chung: Thống nhất theo nguyện vọng của cháu Thạch Chí T, sinh ngày 10/10/2009 là được sống chung với bà Sơn Thị Thu T. Nên giao cháu Thạch Chí T cho bà Sơn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông Thạch S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung: Bà Sơn Thị Thu T khai không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Sơn Thị Thu T khai không có, nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Sơn Thị Thu T phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng. Nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã đóng theo biên lai thu tiền số 0006321 ngày 19/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh. Bà T đã nộp đủ tiền án phí, nên bà T không phải nộp tiếp.

7. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***

- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP. Trà Vinh;
- Ủy ban nhân dân Phường 9, Tp. Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thảo Nguyên**